

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
Thành viên của Horwath International

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 5
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2010	8 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 07 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và Giấy chứng nhận thay đổi lần hai số 0302511219-001, ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương được gọi là Công ty mẹ, trực tiếp thực hiện các hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo hình thức sở hữu trong vốn điều lệ của các doanh nghiệp khác, gồm có:

- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)

Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%

- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:

+ Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)

Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

+ Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

+ Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Sản xuất bao bì bằng giấy (không sản xuất bột giấy; tái chế phế thải tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn, bán lẻ sách, báo và tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dạy nghề.

(Phần tiếp theo ở trang 4)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

4. Tình hình kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Tập đoàn.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010



NGUYỄN BÍCH LÂN

Số: 11.160/BCSXHN - DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Qua công tác soát xét, chúng tôi ghi nhận vấn đề sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã hợp nhất quyền lợi của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, báo cáo tài chính của một vài công ty liên doanh, liên kết như đã nêu tại mục 1.4 của Thuyết minh đính kèm chưa được soát xét.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010



TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

NGÔ THANH BÌNH

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.193.714.338	91.173.497.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	34.957.602.682	26.501.717.976
1. Tiền	111		28.434.602.682	26.501.717.976
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.523.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	8.892.000.000	14.891.030.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.892.000.000	14.891.030.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	98.985.035.743	36.686.746.742
1. Phải thu khách hàng	131		98.629.062.742	36.605.979.366
2. Trả trước cho người bán	132		222.529.824	213.646.203
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.289.838.364	509.941.583
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.156.395.187)	(642.820.410)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.359.075.913	13.094.002.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		682.062.020	268.943.493
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.283.482	39.781.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		593.025.803	353.028.917
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	22.003.704.608	12.432.248.798

(Phần tiếp theo ở trang 9)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68.291.798.598	55.613.061.693
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		4.642.225.351	4.769.848.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	4.562.748.466	4.755.095.820
- Nguyên giá	222		10.590.606.727	10.195.696.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.027.858.261)	(5.440.600.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		79.476.885	14.752.499
- Nguyên giá	228		87.672.720	19.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.195.835)	(4.917.501)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	59.177.111.105	50.104.296.171
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		44.326.764.720	42.453.949.786
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.293.485.327	7.693.485.327
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(443.138.942)	(43.138.942)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.472.462.142	738.917.203
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		220.907.120	383.044.281
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.7)	4.251.555.022	355.872.922
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.485.512.936	146.786.559.019

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		119.118.956.390	54.719.899.910
I. Nợ ngắn hạn	310		113.902.430.946	50.884.850.730
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	69.372.805.757	22.411.403.085
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.8)	19.243.698.649	19.264.765.265
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	9.595.489.025	1.556.398.793
5. Phải trả người lao động	315		107.102.500	1.819.177.027
6. Chi phí phải trả	316	(5.10)	9.683.492.192	286.521.691
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.11)	1.869.760.563	1.884.308.789
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.030.082.260	3.662.276.080
II. Nợ dài hạn	330		5.216.525.444	3.835.049.180
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.12)	4.676.807.660	3.595.991.420
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		212.850.510	239.057.760
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		326.867.274	
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.927.089.563	89.928.997.720
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13.1)	110.927.089.563	89.928.997.720
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.634.566.400	2.634.566.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.023.359.698	513.312.022
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(440.371.761)	910.273.644
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.874.954.185	1.285.256.732
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		142.604.845	520.285.154
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		807.635.192	268.004.869
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.13.6)	48.039.341.004	27.952.298.899
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	(5.14)	4.439.466.983	2.137.661.389
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.485.512.936	146.786.559.019

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ + USD		1.403.487,83	1.320.854,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

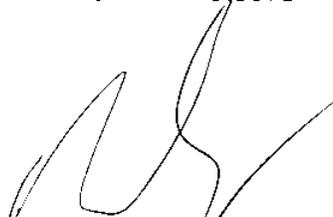
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		326.449.378.055	104.245.661.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.363.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	326.446.015.055	104.245.661.820
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	289.471.116.003	100.839.522.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.974.899.052	3.406.139.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	8.141.624.963	6.651.078.706
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.997.962.159	2.821.079.200
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		15.000.000	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	5.334.663.476	4.595.437.192
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.783.898.380	2.640.701.976
11. Thu nhập khác	31		22.778.059	7.487.805
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		22.778.059	7.487.805
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	45		875.519.284	1.557.528.865
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.682.195.723	4.205.718.646
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.632.913.150	149.326.023
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.049.282.573	4.056.392.623
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.246.387.974	(140.922.801)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		25.802.894.599	4.197.315.424
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	(5.13.5)	4.620	752

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.682.195.723	4.205.718.646
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		590.536.415	465.593.354
Các khoản dự phòng	03		913.574.777	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.945.691.429)	(5.452.673.893)
Chi phí lãi vay	06		15.000.000	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		32.255.615.486	(781.361.893)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(65.348.586.165)	(2.181.795.392)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		53.247.593.474	4.726.895.995
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(250.981.366)	617.301.452
Tiền lãi vay đã trả	13		(15.000.000)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(255.266.795)	348.210.818
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.478.408.380	3.581.526.404
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.021.706.006)	(8.868.790.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.090.077.008	(2.558.012.770)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21		(423.958.447)	(425.954.736)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn	23		(17.762.000.000)	(18.853.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		16.410.000.000	4.248.160.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1.078.002.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.021.202.145	3.895.445.028
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.245.243.698	(12.213.351.708)

(Phần tiếp theo ở trang 14)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.500.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.500.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.879.436.000)	(1.368.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.879.436.000)	(1.368.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.455.884.706	(16.139.884.478)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.501.717.976	34.069.699.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		34.957.602.682	17.929.814.889

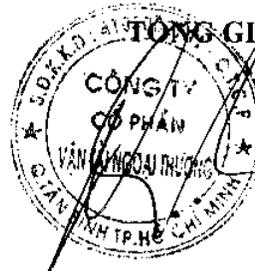
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010

KÊ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 07 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và Giấy chứng nhận thay đổi lần hai số 0302511219-001, ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Sản xuất bao bì bằng giấy (không sản xuất bột giấy; tái chế phế thải tại trụ sở);
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn, bán lẻ sách, báo và tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dạy nghề.

1.3. Danh sách các công ty đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

- **Công ty mẹ: Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương**
Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Công ty con:** là các công ty do Công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, bao gồm 1 công ty:
 - **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)**
Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 90,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 90,00%
- **Công ty liên doanh:** là các công ty được thành lập do thỏa thuận bằng hợp đồng giữa Công ty với các công ty khác để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh, bao gồm 1 công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50,00%

- **Công ty liên kết:** là các công ty do Công ty nắm giữ trực tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết, bao gồm 5 công ty:

+ Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)

Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

+ Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)

Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

+ Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

+ Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)

Địa chỉ: Số 2, Đường Bích Câu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 22,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 22,00%

+ Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

1.4. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phân ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất có báo tài chính riêng chưa được soát xét

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)**

Địa chỉ: Số 33 Bis, Đường Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 50%

- **Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)**

Địa chỉ: Số 51, Đường Yên Thế, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 30,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 30,00%

- **Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)**

Địa chỉ: Số A8, Đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 40,00%

- **Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)**

Địa chỉ: Số 184, Đường Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,28%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 29,28%

- **Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)**

Địa chỉ: Số 18, Đường Đặng Thị Nhu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 39,00%

(Phân tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Vận Tải Ngoại Thương, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010. Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Ngoại trừ, chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ của Công ty mẹ được xem xét đánh giá vào cuối năm tài chính.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Máy móc thiết bị	03 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, ngoại trừ khoản đầu tư vào Tập Chí Vietnam Logistics Review được ghi nhận theo giá gốc, do khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng).
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Lương

Căn cứ theo quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 179/HĐQT/2010 ngày 17 tháng 04 năm 2010.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Tập đoàn ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, Công ty được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Do Công ty không thu thập được báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2009 của các công ty liên doanh, liên kết nên quyền lợi của Công ty tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2009 được ước tính bằng 50% quyền lợi của cả năm 2009.

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của giai đoạn tài chính này.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích)

Khoản mục	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
A. Nợ phải trả		
I. Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.662.276.080	
B. Vốn chủ sở hữu		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.662.276.080

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.833.162.372	2.628.142.210
Tiền gửi ngân hàng	25.601.440.310	23.873.575.766
Các khoản tương đương tiền	6.523.000.000	-
Tổng cộng	34.957.602.682	26.501.717.976

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại ngân hàng (tương đương 494.000 USD).

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	98.629.062.742	36.605.979.366
Trả trước cho người bán	222.529.824	213.646.203
Các khoản phải thu khác	1.289.838.364	509.941.583
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	100.141.430.930	37.329.567.152
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.156.395.187)	(642.820.410)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	98.985.035.743	36.686.746.742

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu cước	659.484.113	-
Phải thu thuế nhà thầu của các hãng hàng không	580.202.261	290.750.477
Phải thu về khoản cho Tạp Chí Vietnam Logistics Review vay	-	200.000.000
Khác	50.151.990	19.191.106
Cộng	1.289.838.364	509.941.583

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	16.977.822.150	11.445.865.900
Tạm ứng cho nhân viên	<u>5.025.882.458</u>	<u>986.382.898</u>
Tổng cộng	<u>22.003.704.608</u>	<u>12.432.248.798</u>

Các khoản ký quỹ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 chủ yếu là các khoản ký quỹ cho các hãng hàng không.

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	3.042.259.582	10.195.696.000
Mua trong kỳ	-	-	-	394.910.727	394.910.727
Số dư cuối kỳ	<u>3.337.273.150</u>	<u>30.070.091</u>	<u>3.786.093.177</u>	<u>3.437.170.309</u>	<u>10.590.606.727</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.778.017.539	30.070.091	1.607.832.285	2.024.680.265	5.440.600.180
Khấu hao trong kỳ	117.482.442	-	180.908.460	288.867.179	587.258.081
Số dư cuối kỳ	<u>1.895.499.981</u>	<u>30.070.091</u>	<u>1.788.740.745</u>	<u>2.313.547.444</u>	<u>6.027.858.261</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.559.255.611	-	2.178.260.892	1.017.579.317	4.755.095.820
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.441.773.169</u>	<u>-</u>	<u>1.997.352.432</u>	<u>1.123.622.865</u>	<u>4.562.748.466</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.499.373.904 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	44.326.764.720	42.453.949.786
Đầu tư dài hạn khác	15.293.485.327	7.693.485.327
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	59.620.250.047	50.147.435.113
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(443.138.942)	(43.138.942)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	59.177.111.105	50.104.296.171

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỉ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư đến 30/06/2010
Tạp Chí Vietnam Logistics Review (Logistics Review)	90%	1.000.000.000
Công ty TNHH Cargo Flights Việt Nam (Cargo Flights)	45,90%	1.639.708.549
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine Việt Nam (Jardine Shipping)	51,00%	3.040.144.059
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	48,90%	12.260.624.932
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vina Vinatrans (VA Express)	40,00%	1.073.793.629
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	6.199.015.602
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	24,12%	19.113.477.949
Cộng		44.326.764.720

(Phần tiếp theo ở trang 26)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư đến 30/06/2010
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Hàng Không Viễn Đông (Far East Aviation)	20,00%	400.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vina Vinatrans (Vtruck)	9,81%	726.150.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		7.600.000.000
Cộng		15.293.485.327

5.7. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng TP. Hồ Chí Minh	4.035.190.122	177.872.922
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	175.000.000	175.000.000
Ký quỹ khác	41.364.900	3.000.000
Tổng cộng	4.251.555.022	355.872.922

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	69.372.805.757	22.411.403.085
Người mua trả tiền trước	19.243.698.649	19.264.765.265
Tổng cộng	88.616.504.406	41.676.168.350

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

(Phần tiếp theo ở trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	171.772.499	161.158.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.430.619.426	1.052.973.071
Thuế thu nhập cá nhân	190.655.269	131.526.970
Thuế khác	802.441.831	210.740.541
Tổng cộng	9.595.489.025	1.556.398.793

5.10. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí cước phải trả	8.876.047.350	-
Chi phí Master Card phải trả	281.036.816	-
Tiền lương tháng 13 phải trả	500.000.000	-
Khác	26.408.026	286.521.691
Tổng cộng	9.683.492.192	286.521.691

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	133.076.387	96.183.501
Cổ tức phải trả	285.064.000	696.900.000
Thuế nhà thầu giữ lại phải trả	955.910.405	909.420.938
Khác	495.709.771	181.804.350
Tổng cộng	1.869.760.563	1.884.308.789

5.12. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ cước vận chuyển	2.940.680.000	3.543.347.500
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	1.736.127.660	52.643.920
Tổng cộng	4.676.807.660	3.595.991.420

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Chi tiết vốn của chủ sở hữu

	Số dư đầu năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	ĐVT: triệu đồng	
											Tổng cộng	Tổng cộng
Lợi nhuận trong năm trước	56.000	-	2.635	249	(168)	275	1.285	-	-	22.996	83.272	
Tăng (giảm) do hợp nhất quyền lợi từ Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	264	-	635	-	125	268	-	1.292	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	395	-	-	395	
Giảm khác	-	-	-	-	13	-	-	-	-	(10.010)	(9.997)	
Số dư đầu năm nay	56.000	2.635	513	513	(155)	910	1.285	520	268	27.952	89.928	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.803	25.803	
Tăng (giảm) do hợp nhất quyền lợi từ Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	510	-	(1.351)	572	18	290	904	943	
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	623	-	250	-	873	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	395	-	-	-	395	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(395)	-	(6.620)	(7.015)	
Số dư cuối kỳ	56.000	2.635	1.023	1.023	(155)	(441)	2.875	143	808	48.039	110.927	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ Phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.13.3. Cổ tức

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Cổ tức đã chi trả trong kỳ:	4.879.436.000	1.368.520.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 179/HĐQT/2010, ngày 17 tháng 04 năm 2010:

- Cổ tức năm 2009 được công bố là 14%.
- Cổ tức năm 2010 dự kiến được chia với tỷ lệ là 12%.

5.13.4. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.13.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	25.802.894.599	4.197.315.424
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.620	752

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.6. Phân phối lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2010
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	27.952.298.899
Chia cổ tức năm trước	(4.467.600.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	25.802.894.599
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(623.000.000)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(250.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.071.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	(69.000.000)
Tăng do hợp nhất quyền lợi từ Công ty liên doanh, liên kết	903.828.292
Chi khác	(139.080.786)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	<u>48.039.341.004</u>

5.14. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị từ kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty con.

Công ty con được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất là Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế, có tỷ lệ phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu là 10%.

(Phần tiếp theo ở trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu - Phòng hàng không	276.250.231.677	85.880.704.298
Doanh thu - Phòng đường biển	26.952.607.875	5.065.360.152
Doanh thu - Phòng Logistics	10.329.396.758	6.824.014.477
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	2.330.629.608	-
Doanh thu - Phòng Bình Dương	1.286.562.767	-
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	2.456.667.714	2.213.026.075
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	4.835.668.409	3.508.704.137
Doanh thu khác	2.004.250.247	753.852.681
Doanh thu thuần	326.446.015.055	104.245.661.820

6.2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	269.613.658	66.295.034
Chi phí nhân công	9.460.546.922	7.175.875.879
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.362.381.785	1.052.553.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.992.761	381.978.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.577.888.417	87.201.602.627
Chi phí bằng tiền khác	6.328.692.460	4.961.216.218
Tổng cộng	289.471.116.003	100.839.522.158

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.714.980.079	3.707.354.522
Lãi tiền gửi ngân hàng	306.121.302	188.090.506
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.120.523.582	2.755.633.678
Tổng cộng	8.141.624.963	6.651.078.706

6.4. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu là lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nhân viên quản lý	2.160.072.518	2.247.925.922
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.831.070	57.022.434
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.543.654	83.614.379
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	1.000.000
Chi phí dự phòng	433.104.102	-
Chi phí bằng tiền khác	2.536.112.132	2.205.874.457
Tổng cộng	5.334.663.476	4.595.437.192

7. Thông tin về các bên có liên quan

Lương Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lương Tổng Giám đốc	187.500.000	150.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	69.000.000	32.000.000
Tổng cộng	256.500.000	182.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các qui định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 08 năm 2010.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN